

CÁC TƯƠNG ỨNG CỦA TỔ HỢP PHỤ ÂM TẮC-BÊN TIẾNG VIỆT TRUNG ĐẠI TRONG TIẾNG MÔN THỜI DVARAVATI

Hoàng Dũng^(*)

1. Việc so sánh hai ngôn ngữ gần gũi nhau về mặt địa lý, lại có quan hệ thân thuộc với nhau, thường đối diện với vấn đề: làm thế nào để phân biệt những lưu tích (reflexes) của một trạng thái cổ với những lưu tích hậu kỳ do vay mượn mà có? Nhìn theo góc độ này, việc so sánh hai ngôn ngữ cùng phổ hệ nhưng phân bố địa lý xa nhau, rất ít khả năng tiếp xúc, có tầm quan trọng riêng: các lưu tích hẳn phải phản ánh một thời kỳ xa xưa, thuộc cơ tầng của phổ hệ. Trong suy nghĩ đó, người viết thử đối chiếu tiếng Việt với tiếng Môn, và hẹp hơn, tạm xét các tương ứng của tổ hợp phụ âm tắc-bên tiếng Việt trung đại⁽¹⁾ trong tiếng Môn, bởi vì việc khảo sát các tổ hợp phụ âm có một ý nghĩa loại hình học đáng lưu ý⁽²⁾.

2. Nguồn tư liệu về các tổ hợp phụ âm tắc-bên tiếng Việt trung đại được sử dụng ở đây là dựa vào từ điển A. de Rhodes, vào cứ liệu song thức (doublets) (chẳng hạn: Bắc bộ (hoa) *nhài*, Bắc Trung bộ và Nam bộ (hoa) *lài*, cho phép tái lập **mlài*) và vào kết quả điều tra điền dã năm 1984 của chính người viết về các từ có thủy âm ký hiệu là ʈl-, ở chín xã Quảng Tiên, Quảng Trung, Quảng Tân, Quảng Thủy, Quảng Sơn, Quảng Minh, Quảng Lộc, Quảng Hòa và Quảng Văn, thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình⁽³⁾.

^(*) Phó Giáo sư, Tiến sĩ Ngữ văn Trường ĐHSB TP.HCM.

⁽¹⁾ Sau khi Việt – Mường chia tách, các tổ hợp phụ âm còn lưu giữ và có chứng tích trực tiếp (được ghi nhận bằng chữ Latin) trong tiếng Việt là ml-, bl-, ʈl-, pl- và kl-. Tất cả các tổ hợp này đều được cấu tạo bằng một âm đoạn tắc + một âm đoạn bên, do đó chúng tôi gọi là tổ hợp phụ âm tắc-bên. Bốn tổ hợp đầu được từ điển Alexandre de Rhodes ghi nhận, còn tổ hợp cuối tìm thấy trong tập du ký của John Barrow (xem M. Piat 1969: 237). Về quan hệ giữa các tổ hợp phụ âm này trong tiếng Việt, xem Hoàng Dũng 1991.

⁽²⁾ Một trong những điều kiện bắt buộc để cho âm tiết có thể trở nên đơn lập trong ngữ lưu là “các thành tố cấu âm trong phạm vi âm tiết phải hòa kết chặt chẽ với nhau, liên kết với nhau một cách có hạn định, không chấp nhận mọi sự tổ hợp quá tự do và rộng rãi giữa các âm tố” (Nguyễn Quang Hồng 1986: 40-41). Như vậy, nghiên cứu các tổ hợp phụ âm tiếng Việt và sự biến đổi từ tổ hợp phụ âm đến phụ âm đơn sẽ góp phần soi sáng xu thế hướng tới một trạng thái đơn lập âm tiết cao của tiếng Việt.

⁽³⁾ Khi phát âm ʈl-, đầu lưỡi cong lên chạm vào ngạc, làm luồng hơi đi ra bị cản lại hoàn toàn mà dây thanh không rung, rồi tức khắc hai cạnh lưỡi mở hé cho luồng hơi thoát ra kèm với sự rung mạnh của dây thanh. Cách phát âm này còn bắt gặp ở thổ ngữ Mường Khôi (xem N.K. Sokolovskaya và Nguyễn

Nguồn tư liệu tiếng Môn là dựa vào các công trình của H.L. Shorto (1962), (1971) và G. Diffloth (1984). Đối với tiếng Môn khẩu ngữ, để bảo đảm tính thống nhất cao về cứ liệu, chúng tôi chỉ dẫn tiếng Môn ở Kawkyaik (huyện Kawbein, bang Karen, Myanma), là thổ ngữ được cả H.L. Shorto lẫn G. Diffloth ghi nhận. Kết quả tái lập của G. Diffloth sẽ được tham khảo khi lần ngược đến thời Dvaravati. Một số trường hợp không nằm trong danh sách các từ được G. Diffloth tái lập, chúng tôi sẽ dựa vào lý thuyết của tác giả này để tái lập lấy.

3.1. So sánh với tiếng Môn nói ở Kawkyaik, có thể xác định tổ hợp *tl-* Việt tương ứng với *klə-*, *kəl-*, *həl-* tiếng Môn. Tuy nhiên, nếu ngược dòng lịch sử, tình hình có phức tạp hơn. Theo G. Diffloth (1984: 306-307), *kl-* trong tiếng Môn khẩu ngữ hiện đại là kết quả hòa nhập của nhiều nguồn gốc khác nhau theo sơ đồ sau:

Mon Dvaravati (thế kỷ VI-IX)		Mon cổ (thế kỷ X-XIII)	Mon trung đại (thế kỷ XIV-XVI)	Mon văn học	Mon khẩu ngữ
* <i>kl-</i>	>	<i>kl-</i>	<i>kl-</i>	<i>kl-</i>	<i>kly-</i>
* <i>gl-</i>	>	<i>gl-</i>	<i>gl-</i>	<i>gl-</i>	<i>kly-</i>
* <i>cl-</i>	>	<i>cl-</i>	<i>cl-</i>	<i>kl-</i>	<i>kly-</i>
* <i>jl-</i>	>	<i>jl-</i>	<i>jl-/dl-</i>	<i>dl-/gl-</i>	<i>kly-</i>
		<i>tl-</i>	<i>tl-/kl-</i>	<i>kl-</i>	<i>kly-</i>
* <i>dl-</i>	>	<i>dl-</i>	<i>dl-</i>	<i>dl-/gl-</i>	<i>kly-</i>

Tính chất hữu thanh của yếu tố đầu trong tổ hợp phụ âm cổ được tiếng Môn hiện đại phản ánh bằng register thở (breathy) (ký hiệu là dấu hai chấm dưới nguyên âm – [y]), còn tính chất vô thanh được phản ánh bằng register sáng (clear) (ký hiệu là dấu gạch ngang dưới nguyên âm – [v]).

3.2. Thật ra, có thể mạnh dạn cho rằng vào thời Dvaravati, tiếng Môn có cả **tl-*, mặc dù văn bia thời kỳ này, có lẽ do số lượng ít ỏi, không cung cấp chứng cứ trực tiếp và việc so sánh tiếng Môn với tiếng di huệ của tiếng Môn cổ, tiếng Nyah Kur⁽⁴⁾, có lẽ cũng không soi sáng được gì hơn.

Văn Tài 1987: 17) và cả trong tiếng Rục và Arem. H. Maspéro (1912: 77) từng ghi nhận ở tiếng Mường Nho Quan có “một tổ hợp trung gian giữa *kl-* và *tl-* mà ta khó nói cho rõ”; phải chăng tổ hợp trung gian đó là *ʈl-*? Trong điều kiện tư liệu hiện nay, có thể tạm chấp nhận *tl-* tiếng Việt trung đại có hai biến thể, [tl-] và [ʈl-].

⁽⁴⁾ Tiếng Nyah Kur ở Thái Lan, tách ra khỏi các tiếng Monic do chịu ảnh hưởng của Sanskrit-Pali (theo M. Ferlus 1983:4). G. Diffloth cho rằng việc đối chiếu tiếng Nyah Kur với tiếng Môn cho phép tái lập tiếng Môn thời Dvaravati.

(Sự biến đổi của các tổ hợp tắc-bên thời Dvaravati trong tiếng Nyah Kur là như sau (Diffloth 1984:306):

*kl- > khl-	*cl- > khl-	*pl- > phl-
*gl- > khl-	*jl- > khi-	*dl- > khi-
		*bl- ? phl-

Như vậy, người ta chờ đợi tiếng Nyah Kur phản ánh **tl-* bằng *khl-*. Nhưng nếu thế thì do không có các từ tương ứng thuộc vào thời Môn cổ nên không thể nào phân biệt từ có nguồn gốc **tl-* với từ có nguồn gốc **kl-* và **cl-*.

Giả định trên dựa vào ba lý do:

a. Văn bia thời Môn cổ có ghi nhận *tl-* (Shorto 1971: 175 – 177);

b. Thừa nhận thời Dvaravati có **tl-* sẽ làm cho hệ thống các tổ hợp phụ âm tắc-bên trở nên cân đối hoàn toàn vì **dl-* cùng **tl-* hợp thành một cặp, tương tự như **kl-/ *gl-*, **cl-/ *jl-*, **pl-/ *bl-*; và

c. Chứng cứ gián tiếp không phải tuyệt nhiên không có: cứ liệu tiếng Nyah Kur và tiếng Môn về từ “trượt” buộc G. Diffloth (1984: 204) phải tái lập **tl-r-|lut*⁽⁵⁾ với *-r-* là một trung tố, nghĩa là gián tiếp thừa nhận sự tồn tại của hình thái gốc **tlut*.

Sự kiện vắng mặt **tl-* thời Dvaravati có lẽ chỉ là một chuyện ngẫu nhiên, như chính G. Diffloth (1984: 304) đã thừa nhận.

3.3. Theo sơ đồ trên, sau khi được bổ sung **tl-*, chúng ta có thể giả định vào thời Dvaravati, *klom* “trăm”, *klon* “trần” có thủy âm **kl-*; *kləaŋ* “khiêng”, *kləŋ* “tròng” (một loại thuyền) có **dl-*; *kləa* “trâu” có **jl-*; *kla* “trước” có **tl-*. Cần lưu ý từ “(ngọc) trai” từ điển A. de Rhodes ghi là *tlai*, tương ứng với tiếng Môn hiện đại *pləa*, mà hình thái thời Dvaravati của nó có thể tái lập là **bləy* (cf. Môn văn học *blay*, Môn cổ *bley*)⁽⁶⁾, chứng tỏ có sự lẫn lộn giữa những từ có nguồn gốc *tl-/ kl-* với những từ có nguồn gốc *bl-/ pl-*, một hiện tượng quen thuộc ngay chỉ trong cứ liệu tiếng Việt (xem Hoàng Dũng 1991).

3.4. Sự tồn tại của nguyên âm *-ə-* trong tiền âm tiết tiếng Môn hiện đại⁽⁷⁾ ở nhiều trường hợp được giải thích như là dấu vết của *-r-* với vai trò yếu tố thứ hai của tổ hợp ba phụ âm đầu (triple initials) cổ. Có khi đó là một trung tố có ý nghĩa danh hóa (nominal infix) hay gây khiến (causative infix). So sánh:

⁽⁵⁾ Ký hiệu [|] chỉ sự tái lập không được chắc chắn lắm, dù nhất thiết phải tồn tại một âm đoạn ở đó; ký hiệu [-r-] chỉ *-r-* là trung tố.

⁽⁶⁾ Về tái lập Môn Dvaravati **bl-*, xem mục (4).

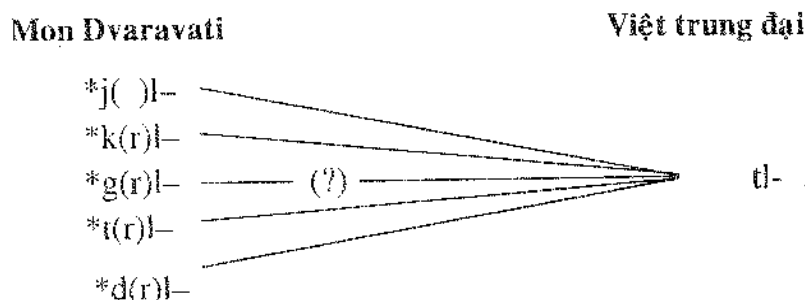
⁽⁷⁾ Nên lưu ý nhận xét sau đây của Claude Hagège và André G. Haudricourt (1978: 81-82): “Trong ngôn ngữ này [tiếng Môn], các từ có giá trị bề ngoài là song âm tiết, nhưng nguyên âm của âm tiết thứ nhất hầu như không còn giá trị khu biệt nữa, và tất cả các âm đó diễn ra như thể đó là một loại âm “o câm” [o muet] dùng để phát âm cho dễ cả nhóm thủy âm”.

	"khiêng"	"triêng=dòn khiêng"
Mon khẩu ngữ	<i>klɛaŋ</i>	<i>həlɛaŋ</i>
Mon văn học	<i>glen</i>	<i>dələŋ/gələŋ</i>
Mon trung đại	<i>dleŋ</i>	-
Mon Dvaravati	<i>dliəŋ</i>	*d[-r-]liəŋ

Trường hợp *kələt* "trượt", *hələm* "trùm" tuy không tìm thấy từ gốc tương ứng, vẫn được tái lập có trung tố gây khiến -r-: *kələt* < *t[-r-]lut, *hələm* < *d/g[-r-]lum. Điều đó là do loại suy từ một số trường hợp tương tự nhưng tìm được từ gốc, khiến cho sự tồn tại của trung tố khó bị bác bỏ. Chẳng hạn:

	"tắt"	"làm tắt"
Mon khẩu ngữ	<i>plət</i>	<i>pələt</i>
Mon văn học	<i>pluit</i>	<i>paluit</i>
Mon trung đại	<i>pl(u)it</i> ⁽⁸⁾	<i>paluit</i>
Mon cổ	<i>plit</i>	-
Mon Dvaravati	*plət	*p[-r-]lət

3.5. Tóm lại, trong giới hạn tư liệu hiện có, tương ứng giữa *tl-* Việt với tiếng Môn thời Dvaravati có thể xác định như sau:



Trong danh sách các tổ hợp phụ âm tiếng Môn thời Dvaravati tương ứng với *tl-* Việt trung đại, chưa thật chắc chắn có *c(r)l- (trường hợp "liêng", "khê lê", các lưu tích Môn khẩu ngữ và Môn văn học không cho phép xác định tổ hợp nào trong các khả năng *k / t / c[-r-]l-*). Điều này có lẽ do cứ liệu còn quá mỏng.

4.1. Đối với *bl-* Việt trung đại, các từ Môn hiện đại nhìn chung đều nhất loạt có tương ứng là *pl-*. Tuy nhiên, chỉ cần đối chiếu với tiếng Môn văn học là có thể thấy ngay rằng *pl-* Môn khẩu ngữ hiện đại là kết quả của sự hòa nhập *bl-* và *pl-*; những từ vốn là *bl-* được phát âm với register thỏ, còn những từ vốn là *pl-* thì với register sáng. Sự đối lập *pl-/ bl-* là ngay từ thời Dvaravati. Chúng ta có sơ đồ (Diffloth 1984: 307):

⁽⁸⁾ Ký hiệu () chỉ âm nằm trong ngoặc đơn là có thể tồn tại hay không.

Mon Dvaravati	Mon cổ	Mon trung đại	Mon văn học	Mon khẩu ngữ
*pl-	pl-	pl-	pl-	ply-
*bl-	bl-	bl-	bl-	ply-

4.2. Như vậy, những từ như *plah* “trái”⁽⁹⁾, *plon* “giống” (trẻ), *plot* “trốc/ trức = đổ” thời Dvaravati là với *pl-, còn *play* “trai (gái)”, *plon* “lần”, *plet* “trật”, *həpiu?* “trầu” là với *bl.

4.3. Có một vài trường hợp Việt vốn bl- nhưng lại không tương ứng với *pl- hay *bl- tiếng Môn Dvaravati. “Trồng” tiếng Việt trung đại là *blòu* [*blông*], khiến ta chờ đợi từ tương ứng trong tiếng Môn thời Dvaravati phải là *pl- hay *bl-, song cứ liệu cho thấy lại là *kl-. Nguyên nhân của hiện tượng này có lẽ là do tiếng Việt (cũng như các tiếng Việt Mường nói chung) và tiếng Môn đều vay “trồng” từ *chung* 種 tiếng Hán và mỗi tiếng ứng xử theo cách riêng của mình, dù cả hai đều phản ánh bằng tổ hợp phụ âm tắc-bên. Suy luận này không những dựa vào chỗ giữa *blòu* Việt và *chung* Hán có một sự tương ứng ngữ âm hoàn toàn chặt chẽ, mà còn căn cứ vào sự kiện tiếng Môn đã có từ để diễn đạt khái niệm “trồng” với phương thức phụ tố đặc trưng. So sánh: tiếng Môn khẩu ngữ *pəlot* “chồi, mầm”, *klot* “nảy mầm”, *kəlot* “trồng, gieo”, tương ứng với tiếng Việt trung đại *blot* “(trồng) trọt”. “Giun” tiếng Việt trung đại là *blun*, tiếng Môn khẩu ngữ *pərun*, Môn văn học *mrun* hay *barun*, không cho phép tái lập một tổ hợp thủy âm với -l-, mà chỉ với -r-, có lẽ là *bruun (Cf. Stieng, Chrau *brun*, Kơho Chil, Mnông, Chrau *brăn*⁽¹⁰⁾). Về mặt ngữ âm, bl- (và xa hơn, pl-) rất gần gũi với br-; hiện tượng lẫn lộn giữa các tổ hợp có -l- với các tổ hợp có -r- từ lâu đã được ghi nhận trong cứ liệu tiếng Việt (xem Maspéro 1912: 79-87).

5. Tư liệu chỉ cho thấy một vài từ Môn tương ứng với từ Việt có thủy âm ml-: “(hoa) nhài” tiếng Việt Bắc bộ là *nhài*, trong khi Bắc Trung bộ và Nam bộ là *lài*, đưa đến tái lập *mlài, từ tương ứng trong tiếng Môn khẩu ngữ là *pələ*, Môn văn học *maluiw* hay *mluiw*, cho phép tái lập *m(ə)lər/l (cf. Indonesia *mlati*, Chăm *mudih*; Khmer *mli*:⁽¹¹⁾), Tiếng Việt *mù* và *lu*, *mờ* và *lờ* gần nghĩa nhau, rất có thể xuất phát từ một hình thái có thể tái lập là *mlu hay *mlờ; điều này được xác nhận bởi các hình thái tương ứng *həlu?* “mù” tiếng Môn khẩu ngữ và *mlu?* “tối” tiếng Nyah Kur, mà

⁽⁹⁾ Lưu ý cứ liệu tiếng Hán *giải* 解.

⁽¹⁰⁾ Dẫn theo Henry F. Blood (1968: 74). Theo David Thomas và Thổ Sáng Lục (1966: ii, 18) tiếng Chrau tương ứng là *vran* “giun (đất)” và *vran* “giun (sán)”, với *v* được miêu tả là một “âm nhẹ, thành ra *v* có khi nghe như “b” nhẹ (như trong Anh ngữ) hoặc như “v” của Bắc Việt, hoặc như “bv”.

⁽¹¹⁾ Tiếng Hán *mạt lị* 茉莉 hẳn là vay của các ngôn ngữ phương Nam.

G. Diffloth tái lập là *j-m-lufu]ʔ thời Dvaravati⁽¹²⁾. Từ điển A. de Rhodes có ghi *mlả* hay *lả* với nghĩa “cắt ra từng miếng như miếng thịt và những vật tương tự”, tương ứng với *kleh* “cắt, xẻ”⁽¹³⁾ của tiếng Môn khẩu ngữ, mà thời Dvaravati theo G. Diffloth là *(s)-gleh. Cuối cùng, *paik* “vỡ” Môn khẩu ngữ và Môn văn học, thời Dvaravati **paak*, tương ứng với *mác* hay *mlác* “vỡ” tiếng Việt ghi trong từ điển A. de Rhodes. Hai trường hợp đầu hoàn toàn đều đặn, còn hai trường hợp sau có hơi bất thường tuy không phải quá kỳ lạ: trong các tiếng Việt Mường đã xảy ra sự lẫn lộn giữa các âm *kl-*, *pl-* và *ml-* (cf. “trắng” – Việt thế kỷ XVII *tlàng*; Mường: Mường Thái, Tân Phong, Huy Thượng *plăng*³; “nhật” – Việt thế kỷ XVII *mlạt*; Mường: Mường Khói, Mường Ống, Thạch Sơn, Luân Ru *tlac*³, Mường Danh *tlat*³, Mường Đỗ *tlac*³; “(lúa) trổ” – Việt thế kỷ XVII *blổ*, Sách, Mây *blốh*, Mã Liềng *molôh*) và hiện tượng tổ hợp hóa bằng cách phát âm bên hóa đối với những hình thái vốn có thủy âm đơn, cũng đã được ghi nhận (cf. Hán *mạt* 末, Việt thế kỷ XVII *mlạt*).

6. Tất cả những phân tích trên đây là dựa vào bảng cứ liệu sau⁽¹⁴⁾:

	“traí (gái)”	“lăn”	“trật”	trầu
Việt tr. đại	<i>blai</i>	<i>blan</i>	<i>blat</i>	<i>blau</i>
Việt hiện đại	<i>trai/giai</i>	<i>lăn</i>	<i>trật</i>	<i>trầu/giầu</i>
Môn kh. ngữ	<i>play</i>	<i>plon</i>	<i>plet</i>	<i>həpluʔ</i>
Môn văn học	<i>blāy</i>	<i>blan</i>	<i>blet</i>	<i>jablu</i>
Môn tr. đại	<i>blāy</i>	<i>blan</i>	–	<i>sablu</i>
Môn cổ	<i>blāy</i>	–	–	–
Nyah Kur	<i>phlaay</i>	–	–	<i>?a-phluʔ</i>
Môn Dvar.	* <i>blaay</i>	* <i>blaan</i>	* <i>blet</i>	*[s]a-bluuʔ ⁽¹⁵⁾

⁽¹²⁾ Tiếng Môn cổ có vị từ chỉ trạng thái (stative verb) *dlu* “tối”, khi thêm trung tố -m-, nó biến thành một tính từ làm thuộc từ (attributive adjective) *damlu* (Shorto 1971: 205). Trung tố này giải thích sự tồn tại của m- trong *mluuʔ* Tiếng Nyah Kur và **mlu* trong tiếng Việt.

⁽¹³⁾ M. Ferlus (1983: 48) ghi nhận *kleh* với nghĩa “ciseleur, graver” (chạm, trổ) khiến ta nghĩ đến một sự tương ứng với *blổ* “(chạm) trổ” ở từ điển A. de Rhodes. Tuy nhiên, có lẽ M. Ferlus nhầm lẫn: tác giả lấy cứ liệu của H.L. Shorto (1962:81), ở đó *kleh* được cho nghĩa “to carve up”. Trong tiếng Anh, *to carve* là “chạm, trổ”, nhưng *to carve up* lại là “cắt, xẻ”; và chẳng, ví dụ mà Shorto nêu ngay sau đó đã quá rõ: *kleh phyn* “to cut up meat” (sả thịt, thái thịt).

⁽¹⁴⁾ Tiếng Nyah Kur được dẫn là thổ ngữ Tha Long (tỉnh Chaiyaphum, Thái Lan); đây là thổ ngữ Nyah Kur duy nhất được G. Diffloth thu nhập mà hoàn toàn yên tâm về độ tin cậy, nếu phải đánh giá một cách nghiêm khắc (Diffloth 1984: 50). Chỉ có trường hợp “trầu”, do không có cứ liệu Tha Long tương ứng nên chúng tôi dẫn cứ liệu thổ ngữ Náam Law và Huay Khráy, tỉnh Phetchabun, Thái Lan.

⁽¹⁵⁾ “Người ta chờ đợi nguyên từ (etymon) của “trầu” là **bluuʔ*; âm tiết thêm ở trước *[s]a- có thể là di tích của hình thái cổ **slaaʔ*- “lá”, bị tiêu giảm còn **sa-* trong quá trình ghép từ và mất trọng âm” (G. Diffloth 1984:88).

	"trái"	"giống"	"tróc=làm đổ"	"(trồng) trọt"	"trồng"	"giun"
Việt tr. đại	<i>blái</i>	<i>blóũ</i>	<i>blúc</i>	<i>blọt</i>	<i>blòũ</i>	<i>blun</i>
Việt hiện đại	<i>trái/ giải</i>	<i>giống/ lóng</i>	<i>trúc</i>	<i>trọt/giọt</i>	<i>trồng/ giống</i>	<i>trùn/ giun</i>
Mon kh. ngữ	<i>plah</i>	<i>plɔŋ</i>	<i>plot</i>	<i>kəlot</i>	<i>kloŋ</i>	<i>pərun</i>
Mon văn học	<i>plah</i>	<i>plāñ</i>	<i>plot</i>	<i>kalut</i>	<i>klon</i>	<i>mrun/barun</i>
Mon tr. đại	–	–	–	–	<i>klon</i>	–
Mon cổ	–	–	–	–	<i>klon</i>	–
Nyah Kur	–	–	–	–	–	–
Mon Dvar.	<i>*plaas</i>	<i>*plɔŋ</i>	<i>*plɔoc</i>	<i>*k[-r-]luuc⁽¹⁶⁾</i>	<i>*kloŋ</i>	<i>*bruun</i>

	"trăm"	"trăn"	"tráp"	"trắy"	"liêng" ⁽¹⁷⁾
Việt tr. đại	<i>tlam</i>	<i>tlan</i>	<i>tláp</i>	<i>tlěy</i>	<i>ʈliêng</i>
Việt hiện đại	<i>trăm</i>	<i>trăn</i>	<i>tráp</i>	<i>trắy</i>	<i>liêng</i>
Mon kh. ngữ	<i>klom</i>	<i>klon</i>	–	<i>kle?</i>	<i>kəlaiŋ</i>
Mon văn học	<i>klom</i>	<i>klan</i>	–	<i>kle?</i>	<i>kalāñ/klāñ</i>
Mon tr. đại	<i>klam</i>	–	<i>klep</i>	<i>kle?</i>	–
Mon cổ	<i>klam</i>	–	–	–	–
Nyah Kur	–	<i>khlan</i>	–	–	–
Mon Dvar.	<i>*klam</i>	<i>*klan</i>	<i>*k/ʈliəp</i>	<i>*k/ʈlɛ?</i>	<i>*k/ʈc[-r-]laaŋ</i>

⁽¹⁶⁾ Tương ứng với Mon khẩu ngữ *kəlot* "trồng, gieo", Mon khẩu ngữ *klot* "nảy mầm", Diffloth tái lập Mon Dvaravati **kluuc*, căn cứ vào các cứ liệu Mon văn học *klut*, Mon trung đại *klut*, Nyah Kur *khluuc*. Còn Mon khẩu ngữ *pəlot* "chối, mầm", có Mon văn học *palut* rất có thể là do **k-m-luuc*, với trung tố danh hóa *-m*.

⁽¹⁷⁾ Cf. *liêng* "bay lượn, ghé tạt ngang vào" (*Khai trí tiến đức*), *triêng* "ghé vào, tạt vào" (*Khai trí tiến đức*), *ʈliêng* "ghé vào, tạt vào"; Mon *kəlaiŋ* "bay liêng trên không mà không vỗ cánh" (Shorto 1961).

	"nhiều"	"trọc"	"trước"	"trượt"
Việt tr. đại	* <i>tlê</i>	<i>tlɔc</i>	<i>tluóc</i>	<i>tlɔt</i>
Việt hiện đại	<i>khê lê</i> ⁽¹⁸⁾	<i>trọc</i> ⁽¹⁹⁾	<i>trước</i>	<i>trượt</i>
Mon kh. ngữ	<i>kəleh</i>	<i>həlat</i>	<i>kla</i>	<i>kəlet</i>
Mon văn học	<i>kaieh</i>	<i>thalāt/khalāt/khlāt /kahlāt</i>	<i>klā</i>	<i>kalit/taliit/tilit</i>
Mon tr. đại	–	–	<i>klā/ tlā</i>	–
Mon cổ	–	–	<i>tlār</i>	–
Nyah Kur	–	<i>təlaac</i>	–	<i>kəluu/ tətut</i>
Mon Dvar.	* <i>k/ʌ/c]-r-]tɛh</i>	* <i>ʌr]iaac</i>	* <i>tlaar</i>	* <i>ʌ-r-]luu</i>

	"trâu" ⁽²⁰⁾	"triêng" ⁽²¹⁾	"trông"	"trùm"	"(ngọc) trai"
Việt tr. đại	<i>tlâu</i>	<i>ʌliêng</i>	<i>ʌlông</i>	<i>tlôm</i>	<i>tlai</i>
Việt hiện đại	<i>trâu</i>	<i>triêng</i>	<i>trông</i>	<i>trùm</i>	<i>trai</i>
Mon kh. ngữ	<i>klɛa</i>	<i>klɛaŋ</i>	<i>klɛŋ</i>	<i>hələm</i>	<i>ploa</i>
Mon văn học	<i>glau/dlau</i>	<i>glēn</i>	<i>gluñ</i>	<i>galuim̄/daluim̄</i>	<i>blay</i>
Mon tr. đại	–	<i>dleñ</i>	–	–	–
Mon cổ	<i>ʌlow</i>	–	<i>dluñ</i>	–	<i>bley</i>
Nyah Kur	<i>khloʷ</i>	<i>khliəŋ</i>	–	<i>khəlum</i>	–
Mon Dvar.	+j(ʌ)low	* <i>dliəŋ</i>	* <i>dlooŋ</i>	* <i>[d/g]-r-lum</i>	* <i>bləy</i>

⁽¹⁸⁾ *Khê lê* là "nhiều lắm" (Lê Văn Đức). Có thể thấy thêm một số từ cùng gốc như *khê* (trong *nhiều khê*), *bê* (trong *bê bôn, ruộng bê bê*), *trê* (trong *trần trê*), *mê* "rất nhiều" (thổ ngữ Thanh Hóa), *luê* (trong *lũa luê* "bộn bề" – *Đại Nam quốc âm tự vị*; sự xuất hiện của -w- trong *luê* có lẽ là do bị đồng hóa ngữ âm với âm tiết *lũa* đứng trước). Hình thái *khê lê* và *trê* cho phép tái lập **klê* > *tlê*; cứ liệu *bê* và *mê* cho thấy có sự lẫn lộn giữa tổ hợp phụ âm có yếu tố thứ nhất là môi, kèm với hiện tượng rụng âm bên; hình thái sau cùng cho thấy yếu tố thứ nhất bị rụng.

⁽¹⁹⁾ Lưu ý cứ liệu tiếng Hán 禿.

⁽²⁰⁾ Nyak Kur: "như bò" (các thổ ngữ miền Bắc), "trâu (thổ ngữ bản Saphaan hìn, tỉnh Chaiyaphum)"; Mon: "bò".

⁽²¹⁾ G. Diffloth tái lập **dliəŋ* đối với Nyak Kur, Mon: "gánh (động từ)"; và **dʌ-r-]liəŋ* đối với Nyak Kur: "gánh (danh từ đơn vị); Mon: "đòn gánh". Cf. *triêng* tiếng Việt.

	"nhài"	"mù; lu"	"sả (thi)"	"võ"
Việt tr. đại	*mlài	*mlu	mlă	mlác/ mác
Việt hiện đại	nhài/lài	mù/lu	sả	–
Mon kh. ngữ	pələ	həlu?	kleh	paik
Mon văn học	maluiw/mluiw	damlu/dalu/balu	gleh	paik
Mon tr. đại	–	damlu ⁽²²⁾	–	pāk
Mon cổ	–	damlu	–	pāk
Nyah Kur	məli?	mlu?	chəkhleh	pāk
Mon Dvar.	*mlər/l	*j-m-lu[u]?	*(s)-gleh	*paak

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLOOD, Henry F. (1968), *A Reconstruction of Proto-Mnong*, Indiana University.
2. de RHODES, Alexandre (1651), *Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et Latinum*, Roma.
3. DIFFLOTH, Gérard (1984), *The Dvaravati Old Mon Language and Nyah Kur*, Chulalongkorn University Printing House, Bangkok.
4. FERLUS, Michel (1983), *Essai de phonétique historique de Môn. Mon-Khmer Studies XII*, pp.1-90.
5. HAGÈGE, Claude – HAUDRICOURT, André G (1978), *La phonologie panchronique*. PUF, Paris.
6. HOÀNG DŨNG (1991), *Từ điển Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes, nguồn cứ liệu soi sáng quan hệ giữa các tổ hợp phụ âm kt-, pl-, bl-, tl- và ml- trong tiếng Việt. Ngôn ngữ*, 4, pp.5-12.
7. HOÀNG DŨNG (1995), *Đóng góp của cứ liệu chữ Nôm trong việc xác định sự biến đổi của các tổ hợp phụ âm kt-, pl-/bl-, tl- và ml-.* Tạp chí *Hán Nôm*, 4, pp. 11-13.
8. HOÀNG DŨNG (1998), *Mấy vấn đề về âm tắc bên Việt trong bối cảnh các ngôn ngữ khu vực. Ngôn ngữ*, 2, pp. 3-13.
9. HỘI KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC (1931), *Việt Nam tự điển*. Impr. Trung Bắc tân văn, Hà Nội.
10. HUỶNH TỊNH PAULUS CỦA 1895-1896. *Đại Nam quốc âm tự vị*, 2 tomes, Impr. Rey Curjol et Cie, Sài Gòn.
11. LÊ VĂN ĐỨC, (1970), *Tự điển Việt Nam*. Khai Trí, Sài Gòn.
12. MASPÉRO, Henri (1912), *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite – les initiales. BEFEO*, 12, pp. 1-127.
13. NGUYỄN QUANG HỒNG (1986), *Hiện tượng đơn lập hóa âm tiết về mặt ngữ âm trong các ngôn ngữ có thanh điệu ở phương Đông. Ngôn ngữ*, 2, pp.40-45.
14. NGUYỄN TÀI CẢN – HOÀNG DŨNG (1995), *Quelques remarques sur les groupes consonantiques d'origine chinoise. In: 90 ans de recherches sur la culture et l'histoire du Vietnam. Khoa học xã hội – École française d'Extrême-Orient*, Hà Nội, pp. 444-447.

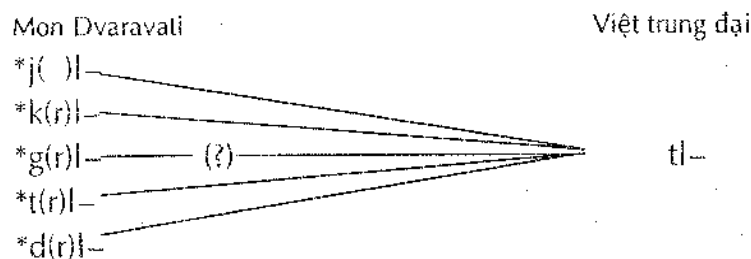
⁽²²⁾ G. Diffloth không cho biết hình thái Môn trung đại và Môn cổ của *həlu?*. Chúng tôi bổ sung theo H. L. Shorto (1971:205). Chứng cứ để Diffloth tái lập *j- cho ví dụ này là cách phát âm *təmlu?* của thổ ngữ Tailin Chan; ở thổ ngữ này, *tə-* phản ánh **chə-* của Proto Nyah Kur.

15. PIAT, Martine (1986), *Un vocabulaire "cochininois" du XVIII^e siècle*. *BSEI*, 44, 3 et 4, pp. 237-241.
16. SHORTO, Harry L. (1962) *A Dictionary of Modern Spoken Mon*, Oxford University Press, London.
17. SHORTO, Harry L. (1971) *A Dictionary of the Mon Inscriptions from the Sixth to the Sixteen Centuries*, Oxford University Press, London.
18. SOKOLOVSKAYA, N. K – NGUYỄN VĂN TÀI (1987) *Yazyk Myong*, Nauka, Moskva.
19. THOMAS, David – THỔ SẴNG LỤC (1966), *Chrau Vocabulary*. Bộ Giáo dục, Sài Gòn.

Tóm tắt

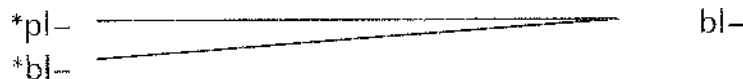
Các tương ứng của tiếng Mon cổ thời Dvaravati với các tổ hợp phụ âm tắc bên tiếng Việt trung đại

1. Theo Diffloth (1984), kl- trong tiếng Mon nói hiện đại là kết quả hòa nhập của *kl-, *gl-, *cl-, *jl-, và *dl- thời Dvaravati. Bài báo đề xuất thêm *tl- thời Dvaravati dựa vào ba lý do: a) văn bia thời Mon cổ có ghi nhận tl-; b) thừa nhận thời Dvaravati có *tl- sẽ làm cho hệ thống các âm tắc bên trở nên cân đối hoàn toàn vì *dl- hợp cùng *tl- thành một cặp, tương tự như *kl-/*gl-, *cl-/*jl-, *pl-/*bl-; và c) có chứng cứ gián tiếp: cứ liệu tiếng Nyaah Kur và tiếng Mon buộc Diffloth phải tái lập *t[-r-]lwt, nghĩa là ngầm thừa nhận sự tồn tại của hình thái gốc *t.lwt.
2. Căn cứ vào sơ đồ của Diffloth sau khi đã bổ sung, bài báo tiến hành tái lập các từ Mon Dvaravati có liên quan. So sánh những từ này và cùng với những từ được Diffloth tái lập, với những từ Việt tương ứng, bài báo đi đến sơ đồ về sự tương ứng giữa tl- Việt trung đại và tiếng Môn Dvaravati như sau:

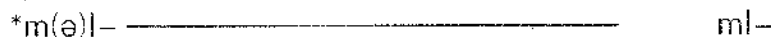


Có lẽ do cứ liệu còn quá mỏng, nên trong danh sách các âm tắc bên tiếng Môn thời Dvaravati tương đương với tl- Việt, chưa có cl-.

3. Đối với bl- Việt, các từ Mon hiện đại nhìn chung đều nhất loạt có tương ứng là pl-. Nhưng pl- Mon hiện đại là kết quả của sự hòa nhập *bl- với *pl-, vốn là hai tổ hợp khu biệt nhau từ thời Dvaravati đến thời Mon trung đại. Ta có sơ đồ:



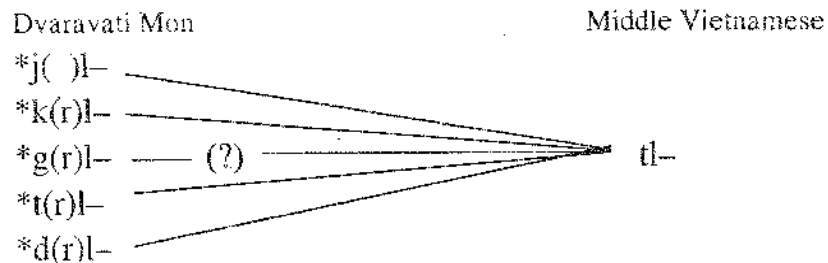
4. Tư liệu về các từ Mon Dvaravati tương ứng với từ có ml- Việt rất ít ỏi, nhưng căn cứ vào những trường hợp đều đặn, có thể xác định:



Abstract

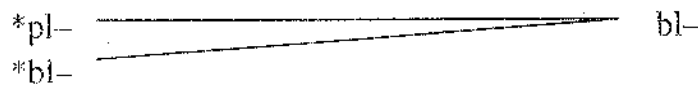
The correspondences of Middle Vietnamese lateral stops to Dvaravati Old Mon clusters

1. According to Diffloth (1984), Modern Spoken Mon *kl-* results from a merge of Dvaravati Mon **kl-*, **gl-*, **cl-*, **jl-*, and **dl-*. In addition, the paper proposes Dvaravati **tl-* which is based on (a) *tl-* being found in the inscriptions of Old Mon; (b) the recognition of Dvaravati **tl-* making the system of the lateral stops symmetrical absolutely because **dl-* and **tl-* matches into a pair, like **kl-/*gl-*, **cl-/*jl-* and **pl-/*bl-*; and (c) data from the Nyah Kur language and from Old Mon allowing Diffloth to reconstruct **t[-r-]lut* (*[-r-]* is an infix); this implies his recognition of **t lut*.
2. Based on the revised Diffloth's schema, the paper reconstructs related words of Dvaravati Mon. Comparing these words with the Vietnamese correspondent words, and together with the words reconstructed by Diffloth, the paper gives a schema on the correspondences between Vietnamese *tl-* and Dvaravati Mon as follow:



For lack of data, the list of Dvaravati Mon lateral stops correspondent to Vietnamese *tl-* does not include *cl-*.

3. To Vietnamese *bl-*, all correspondent Modern Mon words are *pl-*. Modern Mon *pl-*, however, results from a merge of **bl-* and **pl-* which were distinctive clusters in Dvaravati and Middle Mon. Thus, we have:



4. Data on Dvaravati Mon words correspondent to Vietnamese *tl-* words are rare but based on regular cases, we can set up:

